TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38/2024/QĐST-HNGĐ	*Duy Tiên, ngày 03 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa:

- *Nguyên đơn*: anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- *Người bị kiện*: chị **Nguyễn Thị T1,** sinh năm 1981; địa chỉ: thôn Y, xã M, thị xã D, tỉnh Hà Nam

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T1.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Anh T và chị T1 xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thái S, sinh ngày 13/10/2010 và cháu Nguyễn Hồng Th, sinh ngày 13/10/2010. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị T1: Khi ly hôn giao chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái S và cháu Nguyễn Hồng Th kể từ tháng 7/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T1 và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung; công sức; công nợ: anh T và chị T1 thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh T và chị T1 mỗi người phải chịu 75.000đ (bẩy mươi lăm nghìn đồng)

Chấp nhận sự tự thỏa thuận của anh T và chị T1, để anh T nộp toàn bộ khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Anh T được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0001138 ngày 25/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Trả lại cho anh T số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam
- VKSND thị xã Duy Tiên
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên
- UBND xã V, huyện Đ tỉnh Thái Nguyên.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tươi